

Thứ năm, ngày 11 tháng 3 năm 2021

Vietnam Daily Review

Nhịp tăng tiếp tục

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 12/3/2021		•	
Tuần 8/3-12/3/2021		•	
Tháng 3/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Xu hướng tăng điểm kéo dài trong phiên hôm nay giúp thị trường trở lại ngưỡng kháng cự 1180 điểm Dòng tiền đầu tư chảy vào thị trường khi có đến 17/19 ngành tăng điểm. Thanh khoản tăng nhẹ và độ rộng thị trường tích cực cho thấy phản ánh hoạt động giao dịch tích cực trên thị trường. Mặc dù khối ngoại duy trì hoạt động bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX nhưng giá trị bán ròng đang suy giảm. Nếu xu hướng bán ròng tiếp tục suy giảm và thanh khoản thị trường duy trì ổn định, VN-Index có thể kiểm tra lại vùng 1180-1200 điểm trong thời gian tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 11/3/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng.

Phân tích kỹ thuật: STB_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+11.65** điểm, đóng cửa **1,181.73** điểm. HNX-Index **+6.42** điểm, đóng cửa **273.52** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+1.40)**, **VPB(+1.15)**, **VNM(+0.95)**, **TCB(+0.80)**, **VCB(+0.79)**
- Kéo chỉ số giảm: **LGC (-0.24)**, **VIC(-0.09)**, **PLX (-0.07)**, **BHN (-0.06)**, **HVN(-0.04)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **13,590** tỷ đồng, **+3.3%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 15,102 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 13.65 điểm, thu hẹp so với phiên trước. Thị trường có **297** mã tăng, 53 mã tham chiếu và **165** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-267.36** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VNM (-117.5 tỷ)**, **HPG (-43.7 tỷ)** và **VCB(-40.4 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-17.21** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1181.73**

Giá trị: 13590.68 tỷ **11.65 (1%)**

Khối ngoại (ròng): -267.36 tỷ

HNX-INDEX **273.52**

Giá trị: 2711.28 tỷ **6.42 (2.4%)**

Khối ngoại (ròng): -17.21 tỷ

UPCOM-INDEX **80.34**

Giá trị: 1001.7 tỷ **0.1 (0.12%)**

Khối ngoại (ròng): -36.67 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	65.0	0.84%
Giá vàng	1,739	0.71%
Tỷ giá USD/VND	23,051	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	27,568	0.29%
Tỷ giá JPY/VND	21,239	-0.09%
LS liên NH 1 tháng	0.7%	21.61%
LS TPCP 5 năm	1.1%	-5.65%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FUEVFVN1	122.5	VNM	-117.5
MBB	33.4	HPG	-43.7
KBC	22.8	VCB	-40.4
PDR	18.0	MSN	-39.4
DHC	12.7	VHM	-36.4
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 11/3

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	65.01	0.88%	1.80%	12.40%	65.72%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	68.47	0.84%	2.60%	12.80%	77.89%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	208.56	0.29%	4.40%	16.90%	65.77%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1731.13	0.26%	2.00%	-5.80%	11.45%		PNJ
Bạc	USD/ounce	26.25	0.16%	3.50%	-3.70%	97.92%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1402.50	-0.51%	-0.60%	1.20%	58.92%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	652.50	0.00%	0.20%	-1.10%	19.78%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.28	-0.73%	-0.70%	-2.50%	-2.05%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	249.89	-0.71%	0.90%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	15.96	0.38%	-1.10%	1.70%	24.20%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	130.85	0.35%	-1.50%	3.30%	5.74%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	8861.50	0.93%	-2.60%	10.30%	60.27%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	701.49	-0.73%	-6.40%	8.30%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC	USD/ton	742.12	0.27%	-4.40%	10.60%			
Nhôm	USD/ton	2168.00	-0.02%	-1.50%	6.90%	29.43%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	163.68	2.78%	-9.10%	10.50%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	83.30	0.91%	-2.60%	0.20%	21.69%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu.

- Dầu thô Brent tăng 38 US cent tương đương 0.6% lên 67,9 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI tăng 43 US cent tương đương 0.7% lên 64.44 USD/thùng. Tồn trữ xăng của Mỹ trong tuần trước giảm 11.9 triệu thùng và sản phẩm chưng cất bao gồm dầu diesel và dầu sưởi giảm 5.5 triệu thùng.
- Tồn trữ dầu thô trong tuần trước tăng 13.8 triệu thùng. Ngành công nghiệp dầu mỏ của Mỹ bị ảnh hưởng bởi cơn bão mùa đông vào giữa tháng 2/2021, khiến hoạt động lọc dầu bị đình trệ và buộc phải đóng cửa tại Texas. Trong triển vọng kinh tế tạm thời vừa công bố Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) cho biết, nền kinh tế toàn cầu bị ảnh hưởng bởi đại dịch sẽ hồi phục với mức tăng trưởng 5.6% trong năm nay và tăng 4% trong năm tới, khi dự báo trước đó tăng 4.2% trong năm nay.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.5% lên 1,723.01 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 4/2021 trên sàn New York tăng 0.3% lên 1,721.8 USD/ounce.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 5/2021 trên sàn Đại Liên giảm 5.2% xuống 1,040.5 CNY (159.82 USD)/tấn. Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 4/2021 trên sàn Singapore duy trì tại mức mức 157.6 USD/tấn. Thép thanh giảm 2.6%, thép cuộn cán nóng giảm 2.4%.
- Mối lo ngại về nguồn cung thắt chặt giảm bớt do nhập khẩu quặng sắt tại các cảng của Trung Quốc tính đến tuần kết thúc ngày 6/3/2021 đạt 129.5 triệu tấn – cao nhất 3 tháng, công ty tư vấn SteelHome cho biết

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 8/2021 trên sàn Osaka tăng 0.2 JPY lên 273.1 JPY (2.5 USD)/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 5/2021 trên sàn Thượng Hải tăng 165 CNY lên 15,320 CNY (2,355 USD)/tấn.

Giá nông sản

- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2021 tăng 0.45 US cent tương đương 0.3% lên 1.3085 USD/lb. Giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 5/2021 tăng 10 USD tương đương 0.7% lên 1,410 USD/tấn.
- Giá đường trắng kỳ hạn tháng 5/2021 trên sàn London duy trì tại mức 452.06 USD/tấn. Giá đường thô kỳ hạn tháng 5/2021 trên sàn ICE tăng 0.6 US cent lên 15.96 US cent/lb.

	11/3	% 11/3	10/3	% 10/3	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1181.73	1.00%	1170.08	0.70%	1.13%	9.87%
S&P 500			3898.81	0.60%	2.07%	0.31%
HĐTL S&P500	3913.50	0.69%	3886.80	0.61%	4.21%	0.40%
Shang- hai	3436.83	2.36%	3357.74	-0.05%	-1.90%	-2.74%
Euro Stoxx	3834.14	0.37%	3819.92	0.89%	3.49%	4.73%

Phân tích kỹ thuật

STB_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần trên giá trị 50 và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: STB đang ở trong trạng thái hồi phục sau khi đã có giai đoạn giảm mạnh trong nửa cuối tháng 1. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây đang có chiều hướng tăng dần. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Hôm nay, đường MACD vừa cắt lên trên đường tín hiệu đồng thời chỉ báo động lượng RSI đang ở trên giá trị 50 nên cổ phiếu có tiềm năng thiết lập đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của STB nằm tại khu vực xung quanh 19. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 21.7, cắt lỗ nếu ngưỡng 18 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

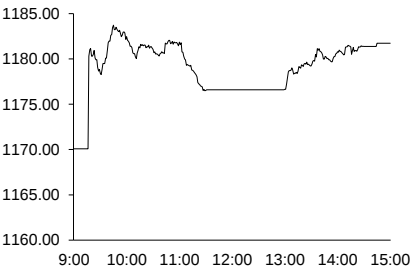
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	-2.86%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.40%
Du lịch và Giải trí	-0.02%
Dầu khí	0.19%
Bất động sản	0.26%
Công nghệ Thông tin	0.61%
Xây dựng và Vật liệu	0.63%
Ô tô và phụ tùng	0.66%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.78%
Bảo hiểm	0.81%
Y tế	0.88%
Thực phẩm và đồ uống	1.00%
Bán lẻ	1.12%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.27%
Hóa chất	1.37%
Tài nguyên Cơ bản	1.49%
Viễn thông	1.75%
Ngân hàng	1.97%
Dịch vụ tài chính	2.14%

Hình 1

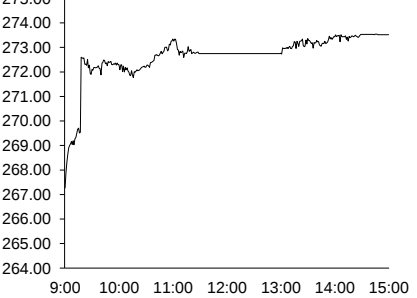
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

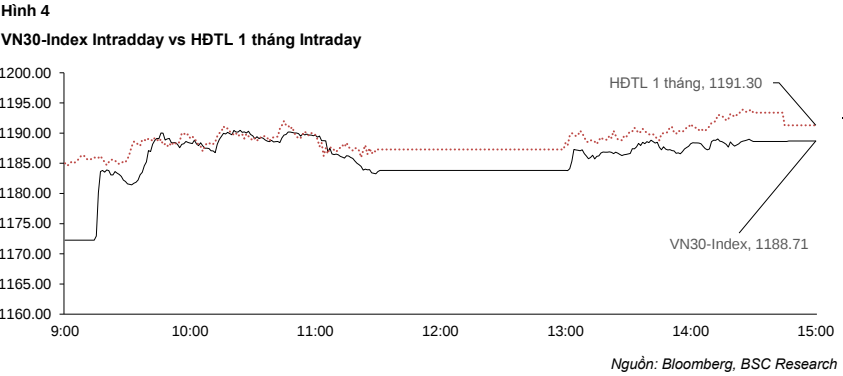
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
3/10/2021	VCI	57.4	65.3	52.7	59.2	1	3.14%	Có thể tiếp tục mua
3/9/2021	LDG	7.72	8.5	7.26	7.7	2	-0.26%	Có thể tiếp tục mua
3/8/2021	CMX	16.95	18.65	15.85	16.9	3	-0.29%	Có thể tiếp tục mua
3/5/2021	POW	13.45	16	12.5	13.8	6	2.60%	Có thể tiếp tục mua
3/4/2021	GEX	22.95	25	21	22.95	7	0.00%	Có thể tiếp tục mua
3/3/2021	LAS	9.9	12	8.5	11.1	8	12.12%	Có thể tiếp tục mua
3/2/2021	LHG	35.6	40	33.8	36.7	9	3.09%	Có thể tiếp tục mua
3/1/2021	FCN	12.9	16	12	14.65	10	13.57%	Có thể tiếp tục mua
2/26/2021	VCS	86.2	95	79.8	91.9	13	6.61%	Có thể tiếp tục mua
2/24/2021	SHS	26.7	32	22.8	28.2	15	5.62%	Có thể tiếp tục mua
2/22/2021	BCG	14.2	19.5	11.8	15.15	17	6.69%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/18/2021	SSI	33.3	49.5	29.7	33.95	21	1.95%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/9/2021	REE	54	62.5	50	55.5	30	2.78%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/9/2021	KBC	38.6	46	35	39	30	1.04%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/4/2021	FPT	72.5	82	63.4	76.7	35	5.79%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/3/2021	NVL	83	97	73.9	82.9	36	-0.12%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/1/2021	DDG	31	34	29.4	31.6	38	1.94%	Có thể giữ nguyên vị thế
1/27/2021	VNP	9.6	11.3	8.1	10.6	43	10.42%	Có thể tiếp tục mua
12/7/2020	HT1	16.95	20	15	18.4	94	8.55%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
2/25/2021	HVN	29	32	27	TP	5	10.34%
2/23/2021	PVB	19.1	21.3	17.3	TP	10	11.52%
2/19/2021	HNG	12.5	14.5	11.5	SL	5	-8.00%
2/17/2021	CCL	11.65	14.3	9.9	TP	20	22.75%
2/5/2021	VIB	35.4	43	32.8	TP	25	21.47%
2/2/2021	PC1	24.4	28.5	22	TP	27	16.80%
1/29/2021	HPX	36.35	42.2	32	TP	20	16.09%
1/28/2021	GKM	18.1	19.8	17.3	TP	6	9.39%
1/26/2021	HBC	18.9	22.9	14.7	SL	7	-22.22%
1/25/2021	VSH	19.35	20.7	18.4	SL	3	-4.91%
1/22/2021	CSM	19.6	21.6	17.5	TP	4	10.20%
1/21/2021	HLD	27.5	30.3	25.4	SL	5	-7.64%
1/20/2021	PVT	17.3	22.5	15.4	SL	9	-10.98%
1/19/2021	VRC	11	13.4	8.9	SL	13	-19.09%
1/18/2021	PNJ	83.9	96.5	75.8	SL	11	-9.65%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	16	3	5.37%	-0.22%	4.49%	22
Cổ phiếu đã chốt	114	56	13.23%	-8.14%	6.19%	28

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2103	1191.30	1.05%	2.59	-27.7%	126,936	3/18/2021	7
VN30F2104	1193.20	0.88%	4.49	-32.1%	503	4/15/2021	35
VN30F2106	1195.70	1.07%	6.99	-92.9%	40	6/17/2021	98
VN30F2109	1191.10	0.55%	2.39	-57.1%	27	9/16/2021	189

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng mạnh +16.45 điểm, lên 1188.71 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, TCB, HPG, VNM, STB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 tăng tích cực đầu phiên sáng, trước khi giành phần lớn thời gian giao dịch tích lũy quanh 1185 điểm. VN30 có thể tăng lên quanh 1200 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2103 và VN30F2104 đang tăng, trong khi VN30F2106 và VN30F2109 đang giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2106, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp canh bán cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CTCB2103	8/9/2021	151	2:1	257,700	35.56%	2,900	6,000	11.52%	3,361	1.79	41,300	35,500	40,150
CVPB2015	7/30/2021	141	1:1	88,100	39.90%	5,600	18,750	9.97%	18,266	1.03	31,600	26,000	43,750
CVPB2011	4/1/2021	21	2:1	141,400	39.90%	1,900	10,100	9.78%	9,959	1.01	27,800	24,000	43,750
CSTB2014	6/14/2021	95	1:1	400,800	40.22%	3,800	7,900	9.72%	7,456	1.06	15,800	12,000	19,300
CSTB2011	3/30/2021	19	1:1	367,200	40.22%	2,700	4,520	8.65%	4,836	0.93	17,200	14,500	19,300
CSTB2012	4/1/2021	21	1:1	382,900	40.22%	2,500	6,350	8.55%	6,335	1.00	15,500	13,000	19,300
CVPB2102	6/4/2021	85	2:1	382,100	39.90%	2,800	4,830	8.54%	4,557	1.06	41,100	35,500	43,750
CSTB2007	4/27/2021	47	2:1	461,700	40.22%	1,500	4,250	7.05%	4,206	1.01	13,999	10,999	19,300
CTCB2012	7/30/2021	141	1:1	582,500	35.56%	5,400	19,170	7.04%	18,555	1.03	27,400	22,000	40,150
CHPG2018	5/14/2021	64	4:1	394,000	32.85%	1,200	4,230	6.02%	4,163	1.02	34,799	29,999	46,400
CVHM2102	7/6/2021	117	10:1	363,900	31.39%	1,900	2,860	4.76%	1,606	1.78	106,000	87,000	100,000
CTCB2010	4/1/2021	21	2:1	154,500	35.56%	2,000	9,420	4.67%	9,354	1.01	25,500	21,500	40,150
CHPG2014	4/19/2021	39	1:1	377,800	32.85%	7,200	30,660	4.29%	20,034	1.53	27,570	21,680	46,400
CHPG2010	4/5/2021	25	4:1	179,400	32.85%	1,800	5,900	3.87%	3,352	1.76	32,969	27,079	46,400
CVPB2103	8/9/2021	151	2:1	430,500	39.90%	2,700	6,000	2.74%	4,606	1.30	41,900	36,500	43,750
CHPG2020	6/30/2021	111	1:1	116,700	32.85%	5,700	20,500	2.50%	20,774	0.99	31,700	26,000	46,400
CMBB2010	6/14/2021	95	1:1	142,500	33.52%	4,600	12,580	2.11%	12,447	1.01	20,600	16,000	28,250
CTCB2102	7/6/2021	117	2:1	277,600	35.56%	2,300	5,080	2.01%	2,968	1.71	57,200	48,000	40,150
CVRE2014	5/4/2021	54	1:1	332,600	34.47%	4,600	7,430	-0.67%	7,111	1.04	32,100	27,500	34,350
Tổng				5,833,900	36.50%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
			**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 11/3/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng.
- CSTB2103 và CTCB2103 tăng mạnh lần lượt 28.63% và 11.52%. Trái lại, CVNM2103 và CFPT2101 giảm mạnh lần lượt -23.73% và -17.07%. Giá trị giao dịch tăng 10.54%. CHPG2014 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 13.05% thị trường.
- CSTB2011, CVPB2010, CTCB2009, CVPB2013, và CFPT2014 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CVPB2013, CHPG2025, và CMSN2012 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2010, CHPG2020, và CHPG2014 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VPB	43.75	4.17	3.99
TCB	40.15	2.16	2.40
HPG	46.40	1.75	1.81
VNM	102.80	1.68	1.75
STB	19.30	3.21	1.27

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VIC	105.9	-0.09	-0.08
KDH	31.6	-0.47	-0.07
PLX	55.6	-0.36	-0.03
TCH	22.8	0.44	0.03
SBT	22.7	0.44	0.03

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	132.5	1.5%	1.0	2,685	3.0	8,654	15.3	3.9	49.0%	28.4%
PNJ	Bán lẻ	84.0	0.5%	1.0	830	0.8	4,727	17.8	3.6	49.0%	21.8%
BVH	Bảo hiểm	60.5	1.5%	1.5	1,953	1.5	2,087	29.0	2.2	27.8%	7.9%
PVI	Bảo hiểm	32.9	-1.2%	0.5	320	0.1	3,406	9.7	1.1	54.3%	11.1%
VIC	Bất động sản	105.9	-0.1%	0.7	15,574	5.1	1,569	67.5	4.6	14.0%	6.7%
VRE	Bất động sản	34.4	0.6%	1.1	3,394	4.0	1,048	32.8	2.7	31.0%	8.5%
VHM	Bất động sản	100.0	0.1%	1.1	14,302	7.5	8,463	11.8	3.8	22.4%	39.1%
DXG	Bất động sản	24.2	-0.6%	1.3	544	5.7	(833)		2.0	33.6%	-6.5%
SSI	Chứng khoán	34.0	2.6%	1.4	884	15.9	2,093	16.2	2.1	43.0%	13.1%
VCI	Chứng khoán	59.2	3.1%	1.0	426	4.7	4,662	12.7	2.2	26.8%	17.9%
HCM	Chứng khoán	32.6	1.7%	1.5	432	9.7	1,738	18.8	2.2	46.6%	12.1%
FPT	Công nghệ	76.7	0.5%	0.9	2,614	4.9	4,520	17.0	3.8	49.0%	23.8%
FOX	Công nghệ	67.0	0.9%	0.4	797	0.0	4,812	13.9	3.5	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	92.7	0.8%	1.4	7,714	1.4	4,038	23.0	3.7	2.8%	16.1%
PLX	Dầu khí	55.6	-0.4%	1.5	2,946	7.1	631	88.1	3.2	16.0%	4.4%
PVS	Dầu khí	24.4	2.5%	1.6	507	7.9	1,357	18.0	1.0	9.5%	5.4%
BSR	Dầu khí	16.8	4.3%	0.8	2,265	8.2	898	18.7	1.5	41.1%	8.5%
DHG	Dược	101.5	1.5%	0.4	577	0.0	5,443	18.6	3.7	54.6%	20.5%
DPM	Hóa chất	19.2	0.5%	0.7	327	2.3	1,663	11.5	0.9	13.1%	8.6%
DCM	Hóa chất	16.9	-0.3%	0.6	388	2.7	1,030	16.4	1.4	3.1%	8.8%
VCB	Ngân hàng	96.3	0.8%	1.1	15,529	4.2	4,974	19.4	3.6	23.6%	20.5%
BID	Ngân hàng	43.3	3.1%	1.3	7,572	3.1	1,740	24.9	2.3	17.3%	9.3%
CTG	Ngân hàng	38.2	1.7%	1.4	6,184	12.7	3,674	10.4	1.7	28.0%	16.9%
VPB	Ngân hàng	43.8	4.2%	1.2	4,669	14.9	4,271	10.2	2.0	23.4%	21.9%
MBB	Ngân hàng	28.3	1.1%	1.2	3,438	20.2	2,965	9.5	1.7	23.1%	19.2%
ACB	Ngân hàng	33.0	0.8%	0.9	3,101	10.2	3,557	9.3	2.0	30.0%	24.3%
BMP	Nhựa	61.8	0.0%	0.8	220	0.4	6,386	9.7	2.0	81.9%	21.2%
NTP	Nhựa	37.0	0.8%	0.5	189	0.1	3,797	9.7	1.7	19.0%	17.3%
MSR	Tài nguyên	22.2	0.5%	0.7	1,061	0.5	356	62.4	1.8	10.1%	2.9%
HPG	Thép	46.4	1.8%	1.1	6,684	31.2	4,056	11.4	2.6	30.6%	25.2%
HSG	Thép	28.5	1.2%	1.4	550	9.1	3,387	8.4	1.8	8.6%	24.3%
VNM	Tiêu dùng	102.8	1.7%	0.7	9,341	10.8	4,770	21.6	6.9	57.0%	33.9%
SAB	Tiêu dùng	176.0	1.6%	0.8	4,907	1.5	7,064	24.9	5.7	63.1%	24.4%
MSN	Tiêu dùng	87.3	0.3%	0.9	4,459	3.3	1,054	82.8	6.4	32.4%	4.2%
SBT	Tiêu dùng	22.7	0.4%	1.2	609	4.5	946	24.0	1.8	7.9%	7.4%
ACV	Vận tải	76.8	2.1%	0.8	7,269	0.4	3,450	22.3	4.6	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	136.1	0.4%	1.1	3,100	3.7	132		4.8	19.3%	0.5%
HVN	Vận tải	30.7	-0.3%	1.7	1,893	1.9	(7,647)		6.8	9.2%	-88.4%
GMD	Vận tải	32.2	0.3%	1.0	422	2.5	1,133	28.4	1.6	38.6%	5.7%
PVT	Vận tải	18.2	0.0%	1.3	256	2.8	1,953	9.3	1.2	12.7%	13.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	91.9	1.3%	1.1	639	1.0	8,545	10.8	3.8	3.6%	39.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	33.7	0.6%	0.5	657	0.2	1,323	25.5	2.4	6.5%	9.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	18.4	0.8%	0.9	305	2.0	1,613	11.4	1.3	4.0%	11.5%
CTD	Xây dựng	78.0	-0.3%	1.0	252	2.3	5,769	13.5	0.7	45.3%	5.2%
CII	Xây dựng	23.9	1.9%	0.4	248	5.2	1,187	20.1	1.2	31.2%	5.8%
REE	Điện	55.5	1.1%	-1.4	746	2.0	5,250	10.6	1.5	49.0%	14.9%
PC1	Điện	29.7	4.0%	-0.4	246	1.9	2,642	11.2	1.4	12.1%	13.6%
POW	Điện	13.8	1.1%	0.6	1,405	8.2	938	14.7	1.1	6.5%	7.9%
NT2	Điện	23.5	2.0%	0.5	294	1.4	2,095	11.2	1.6	16.3%	14.3%
KBC	Khu công nghiệp	39.0	1.6%	1.1	797	5.8	363	107.3	1.9	21.5%	1.8%
BCM	Khu công nghiệp	59.0	0%	1.0	2,655	0.1			3.9	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	43.30	3.10	1.40	1.67MLN
VPB	43.75	4.17	1.15	7.86MLN
VNM	102.80	1.68	0.95	2.42MLN
TCB	40.15	2.16	0.80	15.37MLN
VCB	96.30	0.84	0.79	1.01MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
LGC	-0.01	-0.24	8300	1.11MLN
VIC	0.00	-0.09	1.11MLN	607060
PLX	0.00	-0.07	2.91MLN	373600
BHN	0.00	-0.06	2800	192700
HVN	0.00	-0.04	1.40MLN	611640

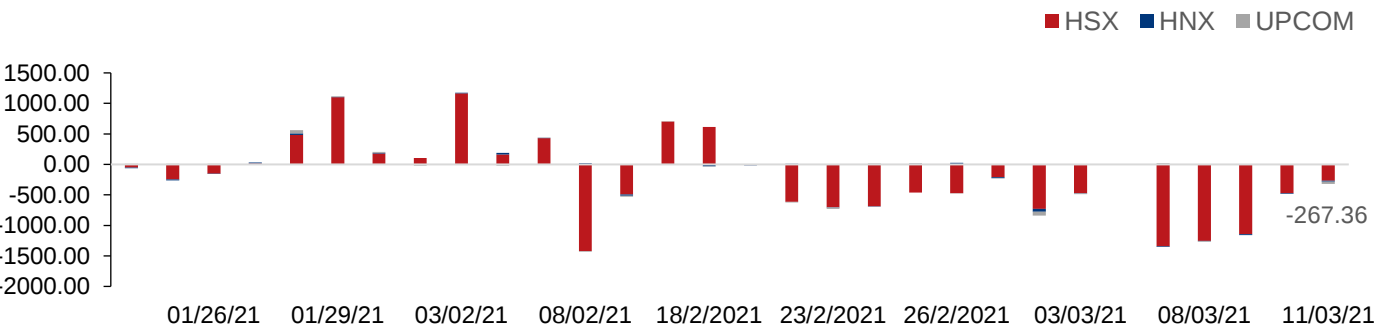
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHA	39.75	7.00	0.02	55700.00
TCM	86.10	6.96	0.09	486200
CIG	4.49	6.90	0.00	73100
SGR	31.75	6.90	0.03	29300
HAP	10.25	6.88	0.01	4.10MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LGC	62.80	-6.96	-0.24	8300
RIC	32.20	-6.94	-0.02	1700
NVT	10.20	-6.85	-0.02	143700.00
DLG	1.83	-6.63	-0.01	10.55MLN
SFC	22.90	-6.53	-0.01	2000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	16.2	1,390	11.7	1.0	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	33.0	3,557	9.3	2.0	Click
3	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	76.8	3,450	22.3	4.6	Click
4	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	32.7	4,065	8.0	1.5	Click
5	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	38.2	3,674	10.4	1.7	Click
6	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	57.9	13,724	4.2	1.4	Click
7	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	72.0	5,734	12.6	2.7	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	111.5	5,923	18.8	4.2	Click
10	DPM	Hóa chất	Theo dõi	21/9/20	16.9	18.4	19.2	1,663	11.5	0.9	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	28.2	2,160	13.1	2.0	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	12/11/20	12.7	17.3	24.2	-833		2.0	Click
13	FPT	Viễn thông	Mua	28/9/20	50.3	63.6	76.7	4,520	17.0	3.8	Click
14	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	32.2	1,133	28.4	1.6	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	46.7	6,277	7.4	2.3	Click
16	HPG	VLXD	Mua	26/2/21	45.4	55.6	46.4	4,056	11.4	2.6	Click
17	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	28.5	3,387	8.4	1.8	Click
18	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	18.4	1,613	11.4	1.3	Click
19	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	39.0	363	107.3	1.9	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	31.6	2,043	15.4	2.2	Click
21	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	16.1			1.2	Click
22	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	37.6	2,528	14.9	1.5	Click
23	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	87.3	1,054	82.8	6.4	Click
24	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	132.5	8,654	15.3	3.9	Click
25	NLG	Bất động sản	Mua	23/2/21	25.0	34.6	35.5	2,975	11.9	1.7	Click
27	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	62.5	7,985	7.8	2.6	Click
28	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	29.3	1,842	15.9	1.9	Click
29	PNJ	Tiêu dùng	Mua	30/10/20	69.5	80.0	84.0	4,727	17.8	3.6	Click
30	POW	Điện	Mua	16/11/20	10.0	12.0	13.8	938	14.7	1.1	Click
31	PVD	Dầu khí	Theo dõi	1/9/20	11.4	13.5	24.2	0	85.0	0.7	Click
32	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	24.4	1,357	18.0	1.0	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	176.0	7,064	24.9	5.7	Click
36	SBT	Đường	Theo dõi	14/10/20	16.4	18.6	22.7	946	24.0	1.8	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	40.2	3,521	11.4	1.9	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	96.3	4,974	19.4	3.6	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	46.7	4,239	11.0	2.3	Click
41	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	20.0	563	35.5	1.6	Click
42	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	42.7	3,873	11.0	1.5	Click
43	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	102.8	4,770	21.6	6.9	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	100.0	8,463	11.8	3.8	Click
45	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	29.5	1,071	27.6	2.5	Click
46	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	12.0	875	13.7	1.1	Click
47	GE2	Điện	Mua	20/1/20		25.5					Click
48	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
48	SCS	Hàng Không	Theo dõi	4/1/20	128.5	140.0	135.2	9,180	14.7	7.3	Click
49	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	43.8	4,271	10.2	2.0	Click
50	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	34.4	1,048	32.8	2.7	Click
51	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	90.9	4,105	22.1	7.8	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
2	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
3	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
4	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
5	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
6	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
7	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
8	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
9	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
10	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
11	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
12	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
13	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
14	Fishery Outlook 2021		x	Click
15	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
16	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
17	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
18	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
19	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
20	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
21	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
22	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
23	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
24	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
25	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
26	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
27	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
28	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
29	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
31	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
32	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
33	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
34	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
35	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
36	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
37	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
38	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
40	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express SBT 2020Q4	29/10/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 18600 ; Giá tại Publish 14500 Dự báo KQKD: Chúng tôi dự báo KQKD SBT ND 2020/21 sẽ đạt DTT và LNST lần lượt là 14,682 tỷ đồng (+13.6% YoY) và LNST là 448 tỷ đồng (+24% YoY), tương đương EPS fw là 738 đồng/cp – PE fw là 19x và PB fw là 1x. Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 79390 ; Giá tại Publish 66000
Express PNJ 2020Q4	22/10/20	Dự báo KQKD: 2020: DTT và LNST đạt lần lượt là 15,995 tỷ đồng (-6.7% YoY) và 917 tỷ đồng (-23% YoY), tương đương EPS fw 2020 là 4,030 đ/cp, PE fw = 16.5x và PB fw = 3x. 2021: DTT và LNST ước tính lần lượt 17,934 tỷ đồng (+12.1% YoY) và 1,024 tỷ đồng (+11.6% YoY) tương đương EPS 2021 fw = 4,478 đ/cp, PE Fw = 14.7x và PB fw = 2.7x. Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 15000 ; Giá tại Publish 11150
Express DXG 2020Q4	8/10/20	Cập nhật KQKD: BSC điều chỉnh dự báo kết quả kinh doanh năm 2020 của DXG với doanh thu và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ 2020 ước tính lần lượt khoảng 3,730 tỷ đồng (-29.6% YoY) và 350 tỷ đồng (-71% YoY) do ảnh hưởng từ dịch Covid-19 đến mảng dịch vụ và trích lập dự phòng lỗ 526 tỷ từ việc thoái vốn LDG dựa trên giả định bàn giao khoảng 750 sản phẩm Gem Sky World trong Q4/2020. EPS 2020 = 635 đồng/cp. PE 2020FW = 17.2 lần

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639